

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG MÃ
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12-10-2018
V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lường Văn Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tòng Văn Toán, ông Vì Văn Đồi.

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Diệp, cán bộ Toà án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã: Không tham gia phiên toà.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 136/2018/TLST- HNGĐ, ngày 27 tháng 8 năm 2018. Về việc: Xin ly hôn, theo quyết định xét xử sơ thẩm số: 18/2018/QĐST - HNGĐ, ngày 01 tháng 10 năm 2018. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Sòng Thị S, sinh năm 1976. Trú tại: Bản H, xã M, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Ông Giàng A N, sinh năm 1977. Trú tại: Bản H, xã M, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và tờ khai tại Toà án nguyên đơn bà Sòng Thị S trình bày:

Bà đến chung sống với ông Giàng A N từ năm 2008, trên cơ sở tự nguyện và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, nhưng không đăng ký kết hôn. Khi bà đến sống với ông N, ông N đã có một đời vợ (bị chết) và 03 đứa con riêng là Giàng A V, Giàng A P, Giàng A H. Đến nay đều trưởng thành.

Quá trình chung sống tại nhà riêng ông N ở bản H, xã Mi. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, (sau khi bà đẻ cháu đầu). Nguyên nhân, ông N thường xuyên đánh đập vô cớ, (nhiều lần). Do không chịu được sự bạo hành vô lý của chồng bà đã từng ăn lá ngón tự tử, do được phát hiện kịp thời và được mọi người đưa đi cứu chữa nên may mắn sống sót. Sự việc đã được hai bên gia đình góp ý khuyên bảo, nhưng ông N không tiếp thu. Do không

chịu được cảnh vũ phu của chồng, nên bà đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở bản H, xã N, huyện Sông Mã từ tháng 12/2017 cho đến nay. Xét thấy không thể chung sống cùng nhau được nữa nên bà có đơn đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà và ông N có 03 con chung:

1. Giàng Du Đ, sinh ngày 27/4/2009.
2. Giàng A C, sinh ngày 28/11/2011.
3. Giàng Mê S, sinh ngày 26/4/2012.

Hiện tại, cháu Đ và cháu S đang ở cùng bà, còn cháu C đang ở cùng ông N. Đối với con chung bà S đề nghị giữ nguyên như vậy, vừa thuận tiện cho việc học hành, vừa đảm bảo cho việc chăm sóc.

Về tài sản chung: Gồm 01 xe máy tay ga trị giá 45.000.000 đ, 01 nhà toóc xi kiên cổ trị giá 50.000.000đ, bán vụ ngô năm 2017 được 49.000.000đ, vụ lúa năm 2017 là 60 bao, một đám ruộng khai hoang trị giá 8.000.000đ, 03 ao cá trị giá 30.000.000đ. Số tài sản chung này bà S để lại hết cho ông N quản lý, sử dụng và định đoạt.

Đối với ông Giàng A N, do không chịu có mặt tại Toà án để thực hiện các thủ tục tố tụng theo Toà yêu cầu, Toà án đã phối hợp với chính quyền địa phương đến tận nơi cư trú để lấy lời khai, ông N khai như sau:

Về tình cảm, con cái, tài sản đúng như bà S trình bày. Hai vợ chồng thỉnh thoảng có chút mâu thuẫn, do bà S lười lao động và hay bỏ nhà đi chơi. Ông không muốn ly hôn, vì các con còn nhỏ. Tuy nhiên, nếu bà S một mực xin ly hôn thì ông cũng đồng ý. Đối với con chung thì tùy nguyện vọng các con (ở với bố hoặc mẹ). Về tài sản chung đến nay không còn gì để chia.

Toà án đã tiến hành hoà giải ngày 04/9/2010, nhưng không hoà giải được do ông N không hợp tác (vắng mặt).

Tại phiên toà, bà Sông Thị S vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn; ông Giàng A Nhia đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn cố tình vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Bà Sông Thị S và Ông Giàng A N sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2008 đến nay, nhưng không có đăng ký kết hôn là không hợp pháp (không có giá trị pháp lý). Vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà S và ông N không được công nhận là quan hệ vợ chồng (không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng).

[2] Về con chung: Xem xét khả năng, điều kiện nuôi con cần chấp nhận và tiếp tục để bà S nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ và cháu S; ông N nuôi dưỡng, giáo dục cháu C. Và điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Đối với tài sản chung: Bà S để lại hết cho ông N. Xét thấy việc để lại toàn bộ tài sản chung cho ông N là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định chung.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, 16, khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 57, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 7 Điều 28, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ bà Sông Thị S và ông Giàng A N là vợ chồng.

2. Về con chung:

- Giao 02 cháu Giàng Du Đ, Giàng Mê S cho bà Sông Thị S chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Giao cháu Giàng A C cho ông Giàng A N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Bà S, ông N có quyền đi, lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện để lại toàn bộ tài sản chung của bà Sông Thị S cho ông Giàng A N quản lý, sử dụng và định đoạt.

4. Về án phí: Bà Sông Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 1402 ngày 27/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án của Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- *TA tỉnh;*
- *VKS huyện;*
- *Các đ-ơng sự;*
- *UBND xã M;*
- *THADS;*
- *L- u HS;*
- *L- u VP;*

Lường Văn Quyết